

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

LUU VIETLAND



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10 - 43 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Phùng Văn Quang | Chủ tịch | | |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng | Phó Chủ tịch | | |
| Ông Nguyễn Văn Hà | Ủy viên | | |
| Ông Nguyễn Thế Quân | Ủy viên | 23/4/2017 | |
| Ông Phạm Tiến Tịnh | Ủy viên | 23/4/2017 | |
| Ông Nguyễn Mỹ Hải | Ủy viên | | 23/4/2017 |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Bà Nguyễn Mỹ Hải | Trưởng ban | 23/4/2017 | |
| Ông Nguyễn Thế Quân | Trưởng ban | | 23/4/2017 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy | Thành viên | | |
| Ông Triệu Đình Trung | Thành viên | | |
| <u>Ban Tổng Giám đốc</u> | | | |
| Ông Nguyễn Thế Hưng | Tổng Giám đốc | | |
| Ông Đặng Ngọc Hùng | Phó Tổng Giám đốc | | |
| Ông Trần Đoàn Viện | Phó Tổng Giám đốc | | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN ĐỨC TÂN - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

70
BT
TH
V
VI
V
V
Đ
C
A
V

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|--|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 94.708.068.813 | | 99.530.822.546 | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 42.734.241.990 | | 46.523.785.892 | |
| 1. Tiền | 111 | | 11.687.650.797 | | 14.023.785.892 | |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 31.046.591.193 | | 32.500.000.000 | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 10.918.946.736 | | 1.282.694.444 | |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 9.529.406.637 | | - | |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 1.389.540.099 | | 1.282.694.444 | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 37.249.333.857 | | 47.853.988.976 | |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 29.889.202.809 | | 35.826.973.234 | |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 122.972.862 | | 3.639.321.927 | |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 8.024.206.382 | | 8.387.693.815 | |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (787.048.196) | | - | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 656.094.633 | | 730.863.097 | |
| Hàng tồn kho | 141 | | 656.094.633 | | 730.863.097 | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.149.451.597 | | 3.139.490.137 | |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 1.959.505.097 | | 2.427.924.109 | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 584.056.365 | | 309.289.971 | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 605.890.135 | | 402.276.057 | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 190.454.640.776 | | 188.364.965.400 | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 367.088.000 | | 467.088.000 | |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 367.088.000 | | 467.088.000 | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 132.373.876.046 | | 97.718.418.334 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 108.867.969.809 | | 95.846.912.917 | |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 187.123.109.273 | | 162.856.805.968 | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (78.255.139.464) | | (67.009.893.051) | |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 23.505.906.237 | | 1.871.505.417 | |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 24.058.532.693 | | 1.893.987.237 | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (552.626.456) | | (22.481.820) | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | | - | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 4.772.884.999 | | 40.662.097.159 | |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 4.772.884.999 | | 40.662.097.159 | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 47.957.971.606 | | 43.867.260.720 | |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.12a | 45.057.954.787 | | 40.967.243.901 | |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.12b | 2.900.016.819 | | 2.900.016.819 | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.982.820.125 | | 5.650.101.187 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 4.793.544.571 | | 5.471.071.647 | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 189.275.554 | | 179.029.540 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 285.162.709.589 | | 287.895.787.946 | |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

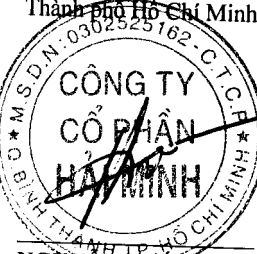
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 15.891.530.111 | 22.592.751.685 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 15.706.530.111 | 22.437.751.685 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 9.622.352.953 | 11.560.934.565 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 1.164.967.735 | 1.260.459.284 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.464.995.637 | 1.190.245.283 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 369.217.270 | 115.011.375 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 1.500.479.140 | 7.809.293.895 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 63.548.886 | 87.253.053 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 520.968.490 | 414.554.230 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 185.000.000 | 155.000.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 185.000.000 | 155.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 269.271.179.478 | 265.303.036.261 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 269.271.179.478 | 265.303.036.261 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 131.998.470.000 | 131.998.470.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411a | | 131.998.470.000 | 131.998.470.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.893.984.271 | 5.893.984.271 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6.745.703.936 | 6.746.260.664 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 123.310.155.385 | 119.339.287.797 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 101.346.700.258 | 88.342.229.587 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 21.963.455.127 | 30.997.058.210 |
| 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 1.322.865.886 | 1.325.033.529 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 285.162.709.589 | 287.895.787.946 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



NGUYỄN THÈ HÙNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

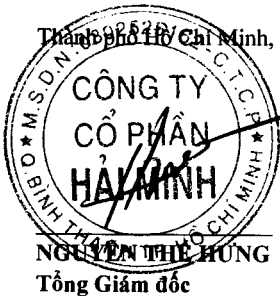
Năm 2017


(Có so sánh với số liệu kỳ kế toán năm 2016)

MÁU B02a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | 2017 | 2016 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 113.228.386.944 | 115.966.322.718 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 3.510.000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 113.228.386.944 | 115.962.812.718 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 99.328.940.751 | 95.849.402.345 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 13.899.446.193 | 20.113.410.373 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 4.281.536.938 | 11.404.161.018 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.519.565.699 | 153.994.331 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 14.858.418.914 | 12.240.748.359 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 9.870.328.961 | 9.928.422.579 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 21.649.507.385 | 33.675.902.840 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 2.222.015.241 | 2.020.214.296 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 214.793.177 | 197.099.931 |
| 14. Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | VI.6 | 2.007.222.064 | 1.823.114.365 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 23.656.729.449 | 35.499.017.205 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 1.640.409.814 | 4.574.248.816 |
| 17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (10.246.014) | (137.567.941) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 22.026.565.649 | 31.062.336.330 |
| Trong đó: | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 21.963.455.127 | 30.997.058.210 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 63.110.522 | 65.278.120 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a | 1.564,08 | 2113,46 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8b | 1.564,08 | 2113,46 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018




NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 23.656.729.449 | 35.499.017.205 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 13.289.742.167 | 13.104.914.410 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 787.048.196 | - |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 11.623.218 | (57.445.337) |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (16.239.656.866) | (23.741.032.645) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 21.505.486.164 | 24.805.453.633 |
| - Giảm các khoản phải thu | 09 | | 10.228.050.710 | (15.009.077.217) |
| - Tăng/(Giảm) hàng tồn kho | 10 | | 74.768.464 | (321.715.907) |
| - Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (3.322.312.052) | 5.113.224.585 |
| - Tăng/(Giảm) chi phí trả trước | 12 | | 1.145.946.088 | (1.253.814.311) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (9.529.406.637) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.856.575.664) | (5.938.867.484) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.993.291.561) | (2.190.081.458) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | <u>15.252.665.512</u> | <u>5.205.121.841</u> |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | VII | (10.988.425.362) | (22.727.463.996) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 286.363.637 | 1.633.400.577 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (106.845.655) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 2.899.983.181 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (1.282.694.444) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 1.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VII | 11.578.091.684 | 21.661.046.898 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | <u>769.184.304</u> | <u>3.184.272.216</u> |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (19.799.770.500) | (14.522.295.620) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | <u>(19.799.770.500)</u> | <u>(14.522.295.620)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | <u>(3.777.920.684)</u> | <u>(6.132.901.563)</u> |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 46.523.785.892 | 52.599.242.118 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (11.623.218) | 57.445.337 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u>42.734.241.990</u> | <u>46.523.785.892</u> |



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lê, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

• **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND

Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 35128 668

Fax : 08 35128 688

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----------------------------------|--|---|------------------------|--|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 96,08% | 96,08% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |

Công ty liên kết

| Tên công ty liên kết | Địa chỉ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---------------------------------------|---|-------------------|------------------------|---|
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội | 25,00% | 25,00% | Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | 49,00% | 49,00% | Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ |

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phân chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 10 – 50 |
| Máy móc thiết bị | 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 15 |
| Thiết bị văn phòng | 3 – 10 |
| Tài sản khác | 5 – 10 |

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.373.444.310 | 1.594.004.861 |
| Tiền gửi ngân hàng | 9.089.179.031 | 12.429.781.031 |
| Tiền đang chuyển | 1.225.027.456 | - |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 31.046.591.193 | 32.500.000.000 |
| Cộng | <u>42.734.241.990</u> | <u>46.523.785.892</u> |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>31/12/2017</u> | | | <u>31/12/2016</u> | | |
|---|-------------------|----------------|----------|-------------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| a) Chứng khoán kinh doanh | | | | | | |
| Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | 9.529.406.637 | 10.052.500.000 | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát | 1.521.150.650 | 1.581.000.000 | - | - | - | - |
| | 1.609.788.583 | 1.655.000.000 | - | - | - | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | | | 31/12/2016 | | |
|---------------------|----------------------|-----------------------|----------|------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Tập đoàn Bảo Việt | 1.531.528.699 | 1.632.500.000 | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần | | | | | | |
| Chứng khoán Sài Gòn | 4.866.938.705 | 5.184.000.000 | - | - | - | - |
| Cộng | 9.529.406.637 | 10.052.500.000 | - | - | - | - |

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

| b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.282.694.444 | 1.282.694.444 |
| Cộng | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.282.694.444 | 1.282.694.444 |

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,8% /năm (năm 2016 là 6,8%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 29.889.202.809 | 35.826.973.234 |
| Công ty Cổ phần Nhật Việt | 1.112.861.000 | 429.947.500 |
| Công ty TNHH Logistics Hà Linh | 2.095.398.973 | 689.935.310 |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 3.023.127.930 | 5.760.687.873 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 327.103.606 | 326.593.044 |
| Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 2.508.043.759 | 2.520.543.759 |
| Samudera Shipping Line Ltd. | 3.081.372.991 | 8.900.602.636 |
| Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu | 2.534.950.580 | 6.046.185.718 |
| Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam | 2.207.742.380 | 1.191.982.778 |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín | - | 175.025.000 |
| Các khách hàng khác | 12.998.601.590 | 9.785.469.616 |
| Cộng | 29.889.202.809 | 35.826.973.234 |
| Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 3.023.127.930 | 5.760.687.873 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 327.103.606 | 326.593.044 |
| Cộng | 3.023.127.930 | 5.760.687.873 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng | - | 1.324.000.000 |
| Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn Minh Giang | 50.566.450 | 1.645.597.509 |
| Khách hàng khác | 72.406.412 | 669.724.418 |
| Cộng | <u>122.972.862</u> | <u>3.639.321.927</u> |

5. Phải thu khác

| | <u>31/12/2017</u> | | <u>31/12/2016</u> | |
|---|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 8.024.206.382 | - | 8.387.693.815 | - |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 6.352.378.277 | - | 6.352.378.277 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 368.350.693 | - | 398.286.810 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 401.000.000 | - | 250.000.000 | - |
| Lãi dự thu | 201.783.782 | - | 242.131.603 | - |
| Quý khen thưởng phúc lợi | - | - | 80.633.501 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 700.693.630 | - | 1.064.263.624 | - |
| b) Phải thu dài hạn khác | 367.088.000 | - | 467.088.000 | - |
| Đặt cọc tiền thuê kho bãi | 367.088.000 | - | 462.088.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn khác | - | - | 5.000.000 | - |
| Cộng | <u>8.391.294.382</u> | - | <u>8.854.781.815</u> | - |
| Phải thu khác là các bên liên quan | | | | |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 6.352.378.277 | - | 6.352.378.277 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

| | 31/12/2017 | | | 31/12/2016 | | |
|---|----------------------|------------------------|--------------------|------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| | | | | | | |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 2.508.043.759 | 1.755.630.631 | 752.413.128 | - | - | - |
| Tạm ứng các cá nhân | 34.635.068 | - | 34.635.068 | - | - | - |
| Cộng | 2.542.678.827 | 1.755.630.631 | 787.048.196 | - | - | - |

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|-----------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 260.714.026 | - | 147.954.792 | - |
| Hàng hóa | 395.380.607 | - | 582.908.305 | - |
| Cộng | 656.094.633 | - | 730.863.097 | - |

8. Chi phí trả trước

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | 1.959.505.097 | 2.427.924.109 |
| Chi phí mua bảo hiểm | 650.451.849 | 469.828.008 |
| Công cụ, dụng cụ | 148.623.427 | 217.252.669 |
| Chi phí sửa chữa | 383.542.472 | 493.067.947 |
| Chi phí khác | 776.887.350 | 1.247.775.485 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | 4.793.544.571 | 5.471.071.647 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.843.740.711 | 3.384.981.465 |
| Chi phí sửa chữa | 688.854.500 | 772.245.435 |
| Chi phí khác | 1.260.949.360 | 1.313.844.747 |
| Cộng | 6.753.049.668 | 7.898.995.756 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| 9. Tài sản cố định hữu hình | Khoản mục | Phương tiện | | | | Cộng |
|-------------------------------|-----------|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Thiết bị văn phòng | TSCĐ khác | |
| Nguyên giá | | | | | | |
| 01/01/2017 | | 76.808.507.516 | 411.805.821 | 77.787.019.660 | 3.755.344.698 | 162.856.805.968 |
| Tăng trong năm | | 13.183.182.290 | 1.023.020.774 | 10.307.804.059 | 1.637.688.065 | 26.151.695.188 |
| Giảm trong năm | | - | - | 1.885.391.883 | - | 1.885.391.883 |
| 31/12/2017 | | 89.991.689.806 | 1.434.826.595 | 86.209.431.836 | 5.393.032.763 | 187.123.109.273 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 01/01/2017 | | 23.271.928.820 | 97.967.592 | 40.005.976.313 | 1.468.921.660 | 67.009.893.051 |
| Tăng trong năm | | 3.380.951.998 | 95.173.803 | 8.098.773.923 | 478.937.427 | 12.759.597.531 |
| Giảm trong năm | | - | - | 1.514.351.118 | - | 1.514.351.118 |
| 31/12/2017 | | 26.652.880.818 | 193.141.395 | 46.590.399.118 | 1.947.859.087 | 78.255.139.464 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| 01/01/2017 | | 53.536.578.696 | 313.838.229 | 37.781.043.347 | 2.286.423.038 | 95.846.912.917 |
| 31/12/2017 | | 63.338.808.988 | 1.241.685.200 | 39.619.032.718 | 3.445.173.676 | 108.867.969.809 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 13.427.058.788 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.325.167.644 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| 01/01/2017 | 1.893.987.237 | 1.893.987.237 |
| Tăng trong năm | 22.164.545.456 | 22.164.545.456 |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/12/2017 | 24.058.532.693 | 24.058.532.693 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| 01/01/2017 | 22.481.820 | 22.481.820 |
| Tăng trong năm | 530.144.636 | 530.144.636 |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/12/2017 | 552.626.456 | 552.626.456 |
| Giá trị còn lại | | |
| 01/01/2017 | 1.871.505.417 | 1.871.505.417 |
| 31/12/2017 | 23.505.906.237 | 23.505.906.237 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--|----------------------|-----------------------|
| Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng | 3.847.405.000 | 34.779.448.068 |
| Công trình đóng Sà lan | - | 5.688.285.455 |
| Mua sắm tài sản cố định | 731.116.363 | - |
| Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc | 194.363.636 | 194.363.636 |
| Cộng | 4.772.884.999 | 40.662.097.159 |

12. Đầu tư tài chính dài hạn

| | Giá trị hợp lý | Giá trị hợp lý |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư vào các công ty liên kết (a) | 45.057.954.787 | 40.967.243.901 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b) | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 |
| Cộng | 47.957.971.606 | 43.867.260.720 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

| Giá trị đầu tư | Công ty TNHH "K" | | Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------|--|-----------------------|
| | Line Việt Nam | Dongbu Hải Minh | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 18.175.783.651 | 7.069.435.800 | | 25.245.219.451 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 18.175.783.651 | 7.069.435.800 | | 25.245.219.451 |
| Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 12.904.942.310 | 2.817.082.140 | | 15.722.024.450 |
| Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết | 13.781.774.769 | 1.076.644.145 | | 14.858.418.914 |
| Cổ tức tạm ghi nhận trong năm | (9.585.996.166) | (558.110.000) | | (10.144.106.166) |
| Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2017 | (612.977.348) | (10.624.514) | | (623.601.862) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 16.487.743.565 | 3.324.991.771 | | 19.812.735.336 |
| Giá trị hợp lý | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 31.080.725.961 | 9.886.517.940 | | 40.967.243.901 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 34.663.527.216 | 10.394.427.571 | | 45.057.954.787 |

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|---|----------------------|----------------|----------------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*) | 2.900.016.819 | - | 2.900.016.819 | - |
| Cộng | 2.900.016.819 | - | 2.900.016.819 | - |

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 412.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.250.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị hợp lý là 10.670.000.000 VND tương ứng với 275.000 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1.509.426.209 | 1.509.426.209 | 1.755.601.460 | 1.755.601.460 |
| Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng | - | - | 901.434.593 | 901.434.593 |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | 91.628.300 | 91.628.300 | 1.509.545.503 | 1.509.545.503 |
| Khách hàng khác | 8.021.298.444 | 8.021.298.444 | 7.394.353.009 | 7.394.353.009 |
| Cộng | 9.622.352.953 | 9.622.352.953 | 11.560.934.565 | 11.560.934.565 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2017 | Số phải nộp | Số đã nộp | 31/12/2017 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước | 214.737.980 | 3.276.824.466 | 3.673.971.353 | (182.408.907) |
| <i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i> | <i>(143.136.290)</i> | <i>-</i> | <i>260.240.711</i> | <i>(403.377.001)</i> |
| <i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i> | <i>357.874.270</i> | <i>3.276.824.466</i> | <i>3.413.730.642</i> | <i>220.968.094</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 350.690.408 | 2.077.204.017 | 1.856.575.664 | 571.318.761 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i> | <i>(157.275.576)</i> | <i>417.575.949</i> | <i>320.839.482</i> | <i>(60.539.109)</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i> | <i>507.965.984</i> | <i>1.659.628.068</i> | <i>1.535.736.182</i> | <i>631.857.870</i> |
| Thuế thu nhập cá nhân | 181.608.696 | 1.218.179.209 | 1.282.894.443 | 116.893.462 |
| <i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i> | <i>(90.067.191)</i> | <i>40.236.019</i> | <i>92.142.853</i> | <i>(141.974.025)</i> |
| <i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i> | <i>271.675.887</i> | <i>1.177.943.190</i> | <i>1.190.751.590</i> | <i>258.867.487</i> |
| Các loại thuế khác | 111.146.143 | 1.728.892.409 | 1.786.764.268 | 53.274.284 |
| Thuế môn bài | - | 13.000.000 | 13.000.000 | - |
| Thuế đất | (11.797.000) | 676.579.000 | 664.782.000 | - |
| Thuế nhà thầu | 122.943.143 | 1.039.313.409 | 1.108.982.268 | 53.274.284 |
| Thuế phải nộp | - | - | - | - |
| Thuế phải thu | - | - | - | - |
| Cộng | 858.183.227 | 8.301.100.101 | 8.600.205.728 | 559.077.600 |
| <i>Trình bày:</i> | | | | |
| Thuế phải thu | 402.276.057 | | | 605.890.135 |
| Thuế phải nộp | 1.260.459.284 | | | 1.164.967.735 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả khác

| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| a) Phải trả ngắn hạn khác | 1.500.479.140 | 7.809.293.895 |
| Kinh phí công đoàn | 51.822.930 | 116.401.880 |
| BHXX | 126.484.836 | 21.960.159 |
| BHYT | 24.490.415 | 5.554.500 |
| BHTN | 10.628.921 | 2.030.900 |
| Cổ tức hải trả | 13.923.195 | 6.599.923.500 |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn | 118.300.000 | 86.000.000 |
| Phải trả nhân viên | 500.411.095 | 259.517.825 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 654.417.748 | 717.905.131 |
| b) Phải trả dài hạn khác | 185.000.000 | 155.000.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng | 140.000.000 | 140.000.000 |
| Công ty TNHH SCHUNK INTEC | 30.000.000 | |
| Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Cộng | <u>1.685.479.140</u> | <u>7.964.293.895</u> |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| Chi tiêu | Tăng do trích lập | | | 31/12/2017 |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | 01/01/2017 | từ lợi nhuận | Chi trong năm | |
| Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng | 67.351.090 | 1.859.823.493 | (1.798.384.001) | 128.790.582 |
| Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành | 347.203.140 | 1.239.882.328 | (1.194.907.560) | 392.177.908 |
| Cộng | <u>414.554.230</u> | <u>3.099.705.821</u> | <u>(2.993.291.561)</u> | <u>520.968.490</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2016 | 131.998.470.000 | 5.860.984.271 | 6.746.260.664 | 109.777.973.675 | 1.546.892.203 | 255.930.580.813 |
| Tăng vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận năm 2016 | - | - | - | 30.997.058.210 | 65.278.165 | 31.062.336.375 |
| Trích quỹ các quỹ | - | - | - | (3.993.413.436) | (122.523.169) | (4.115.936.605) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (21.119.755.200) | - | (21.119.755.200) |
| Tặng khác | - | 20.000.000 | - | 3.791.868.883 | 135.150.991 | 3.947.019.874 |
| Giảm khác | - | 13.000.000 | - | (114.444.335) | (299.764.661) | (401.208.996) |
| Số 31/12/2016 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.746.260.664 | 119.339.287.797 | 1.325.033.529 | 265.303.036.261 |
| Số dư 01/01/2017 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.746.260.664 | 119.339.287.797 | 1.325.033.529 | 265.303.036.261 |
| Lợi nhuận năm 2017 | - | - | - | 21.963.455.127 | 63.110.522 | 22.026.565.649 |
| Chia cổ tức(*) | - | - | - | (13.199.847.000) | (65.278.165) | (13.265.125.165) |
| Trích quỹ các quỹ | - | - | - | (3.034.427.656) | - | (3.034.427.656) |
| Tặng khác (**) | - | - | - | 13.427.494 | - | 13.427.494 |
| Giảm khác | - | - | (556.728) | (1.771.740.377) | - | (1.772.297.105) |
| 31/12/2017 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.745.703.936 | 123.310.155.385 | 1.322.865.886 | 269.271.179.478 |

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2017, bao gồm: chia cổ tức 10%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 4% Lợi nhuận hợp nhất.

(**) Khoản tăng khác do xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Tên cổ đông | 31/12/2017 | | | 31/12/2016 | | |
|------------------------------|-------------|-------------------|------------------------|----------------|-------------------|------------------------|
| | Tỷ lệ | Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ | Cổ phiếu | Giá trị |
| Peter Eric Dennis | 5,64% | 744.717 | 7.447.170.000 | 5,64% | 744.717 | 7.447.170.000 |
| Ông Nguyễn Thế Quân | 3,99% | 526.718 | 5.267.180.000 | 3,99% | 526.718 | 5.267.180.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng | 3,31% | 437.385 | 4.373.850.000 | 3,31% | 437.385 | 4.373.850.000 |
| Pyn Elite Fund (Non - ucits) | 2,89% | 381.000 | 3.810.000.000 | 2,89% | 381.000 | 3.810.000.000 |
| Ông Lê Ngọc Đức | 2,59% | 341.886 | 3.418.860.000 | 2,59% | 341.886 | 3.418.860.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hà | 2,58% | 340.185 | 3.401.850.000 | 2,58% | 340.185 | 3.401.850.000 |
| Ông Phùng Văn Quang | 2,56% | 337.904 | 3.379.040.000 | 2,56% | 337.904 | 3.379.040.000 |
| Bà Nguyễn Mỹ Hải | 2,53% | 334.273 | 3.342.730.000 | 2,53% | 334.273 | 3.342.730.000 |
| Các cổ đông khác | 73,91% | 9.755.779 | 97.557.790.000 | 73,91% | 9.755.779 | 97.557.790.000 |
| Cộng | 100% | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 100,00% | 13.199.847 | 131.998.470.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.200.000 | 13.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu. | | |

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

| | <u>Đơn vị tính</u> | <u>31/12/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|----------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Đô la Mỹ | USD | 22.584,52 | 70.892,56 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm 2017</u> | <u>Năm 2016</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Dịch vụ vận tải | 37.242.471.042 | 47.244.273.138 |
| Dịch vụ khai thác kho bãi | 54.727.373.623 | 47.174.955.867 |
| Dịch vụ đại lý container | 10.038.602.991 | 11.663.408.448 |
| Cho thuê văn phòng | 2.127.300.757 | 1.519.916.416 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 9.092.638.531 | 8.363.768.849 |
| Cộng | <u>113.228.386.944</u> | <u>115.966.322.718</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận tải | 40.871.098.465 | 45.703.167.057 |
| Giá vốn khai thác kho bãi | 43.688.946.300 | 35.823.614.138 |
| Giá vốn đại lý container | 4.865.796.803 | 4.734.872.148 |
| Giá vốn Cho thuê văn phòng | 1.322.441.591 | 1.538.768.880 |
| Giá vốn hàng hóa | 8.580.657.592 | 8.048.980.122 |
| Cộng | <u>99.328.940.751</u> | <u>95.849.402.345</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 1.208.634.223 | 1.474.185.192 |
| Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết | - | 3.880.218 |
| Đầu tư khác | 412.500.000 | 9.227.089.819 |
| Lãi kinh doanh chứng khoán | 2.202.487.643 | - |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 199.001.524 | 225.351.295 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán | 258.913.548 | 336.209.157 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thanh toán | - | 57.445.337 |
| Lãi chuyển nhượng vốn | - | 80.000.000 |
| Cộng | 4.281.536.938 | 11.404.161.018 |

4. Chi phí tài chính

| | | |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí đầu tư chứng khoán | 1.448.744.414 | 20.021.918 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 59.198.067 | 133.972.413 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 11.623.218 | - |
| Cộng | 1.519.565.699 | 153.994.331 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.666.592.554 | 5.388.628.699 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 342.700.835 | 312.195.129 |
| Chi phí dụng cụ quản lý | 103.936.158 | 370.902.934 |
| Chi phí khấu hao | 399.514.730 | 402.641.708 |
| Thuế phí và lệ phí | 39.866.271 | 40.139.813 |
| Chi phí (hoàn nhập) dự phòng | 787.048.196 | 164.662.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.004.516.215 | 1.845.086.775 |
| Chi phí bằng tiền khác | 526.154.002 | 1.404.165.521 |
| Cộng | 9.870.328.961 | 9.928.422.579 |

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 224.309.668 |
| Thu bồi thường | 1.825.002.443 | - |
| Thu từ thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ | 388.872.727 | 1.409.090.909 |
| Góp vốn bằng tài sản | - | 386.813.719 |
| Thu nhập khác | 8.140.071 | - |
| Cộng | 2.222.015.241 | 2.020.214.296 |

Chi phí khác

| | | |
|----------------------------------|------------|------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ thanh lý | 25.518.188 | - |
| Chi phí sửa chữa TSCĐ | 44.998.281 | - |
| Giá trị còn lại tài sản thanh lý | 26.397.795 | 17.912.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| Nộp phạt thuế | 72.357.263 | 75.883.461 |
| Chi phí khác | 45.521.650 | 103.304.470 |
| Cộng | 214.793.177 | 197.099.931 |
| | - | - |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác | 2.007.222.064 | 1.823.114.365 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 23.656.729.449 | 35.499.017.205 |
| Điều chỉnh lợi nhuận kế toán: | (14.801.496.512) | (12.627.773.122) |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 72.357.263 | 120.605.268 |
| Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế | (14.873.853.775) | (12.748.378.390) |
| Thu nhập chịu thuế | 8.855.232.937 | 22.871.244.083 |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế suất áp dụng thông thường | 1.771.046.587 | 4.574.248.816 |
| Ưu đãi miễn thuế | (130.636.773) | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.640.409.814 | 4.574.248.816 |

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông | 21.963.455.127 | 30.997.058.210 |
| Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.317.807.308) | (3.099.705.821) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông | 20.645.647.819 | 27.897.352.389 |
| Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần | 13.199.847 | 13.199.847 |
| Lãi cơ bản trên cổ phần | 1.564,08 | 2.113,46 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| b) Lãi suy giảm trên cổ phần | | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông | 20.645.647.819 | 27.897.352.389 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 20.645.647.819 | 27.897.352.389 |
| Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần | 13.199.847 | 13.199.847 |
| Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 13.199.847 | 13.199.847 |
| Lãi suy giảm trên cổ phần | 1.564,08 | 2.113,46 |
| 9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu | 20.619.760.090 | 22.672.969.197 |
| Chi phí nhân viên | 27.161.712.024 | 28.316.923.881 |
| Chi phí khấu hao | 13.199.882.148 | 13.104.914.410 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 47.037.642.428 | 38.901.628.511 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.180.273.022 | 2.781.388.925 |
| Cộng | 109.199.269.712 | 105.777.824.924 |
| VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | | |
| 1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | | |
| | Năm 2017 | Năm 2016 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 201.783.782 | 242.131.603 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng từ lợi nhuận được chia | 63.110.078 | 264.888.800 |
| Mua sắm, xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp | 1.438.603.122 | - |
| 2. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | | |
| Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng cuối năm trước đã thu trong năm | 225.351.295 | - |
| Cổ tức năm trước đã chi trả năm nay | 6.599.923.500 | 2.463.920 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 448.559.000 | 3.824.411.000 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 1.794.236.000 | 9.592.545.000 |
| Sau 5 năm | 3.588.472.000 | 4.037.031.000 |
| Cộng | <u>5.831.267.000</u> | <u>17.453.987.000</u> |

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi, thuê văn phòng theo các hợp đồng như sau:

- Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty Cổ phần Hải Minh (Công ty mẹ) thể hiện tổng số tiền thuê 9.211 m² để làm kho bãi container và các sinh hoạt khác tại số 1201 Xa lộ Hà Nội, phường Ngã Thẳng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 11.000 VND/m²/01 tháng theo hợp đồng số 07/TMB-TV ký ngày 10 tháng 4 năm 2015 với thời hạn 05 năm tính từ ngày 15/5/2015. Và thuê 15.000 m² để làm kho bãi container tại số 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, Quận 9 với giá thuê là 180.000.000 VND/01 tháng theo hợp đồng thuê số 01/2013 ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 với thời hạn thuê là 05 năm. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty không còn thuê nữa.
- Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m²/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm 2017</u> | <u>Năm 2016</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) | | |
| Lợi nhuận được chia | 9.585.996.166 | 10.959.771.887 |
| Cung cấp dịch vụ | <u>3.842.829.604</u> | <u>9.325.109.626</u> |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | | |
| Lợi nhuận được chia | 558.110.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ | <u>1.651.009.137</u> | <u>3.517.388.965</u> |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau: | | |
| | <u>31/12/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
| Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) | | |
| Phải thu khách hàng | 3.023.127.930 | 5.760.687.873 |
| Phải thu khác | <u>6.352.378.277</u> | <u>6.352.378.277</u> |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | | |
| Phải thu khách hàng | 327.103.606 | 326.593.044 |
| Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng | <u>140.000.000</u> | <u>140.000.000</u> |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau: | | |
| | <u>Năm 2017</u> | <u>Năm 2016</u> |
| Tiền lương, thưởng | 1.959.270.266 | 1.875.055.341 |
| Cộng | <u><u>1.959.270.266</u></u> | <u><u>1.875.055.341</u></u> |

3. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

| | | | | |
|-------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Minh | 38.700.442.378 | 33.124.873.838 | 9.611.687.423 | 4.508.293.545 |
| Cộng | 132.373.876.046 | 97.718.418.334 | 49.149.341.106 | 5.574.203.181 |

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.734.241.990 | 42.734.241.990 | 46.523.785.892 | 46.523.785.892 |
| Chứng khoán kinh doanh | 9.529.406.637 | 9.529.406.637 | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.282.694.444 | 1.282.694.444 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 29.136.789.681 | 29.136.789.681 | 35.826.973.234 | 35.826.973.234 |
| Phải thu khác | 8.022.943.689 | 8.022.943.689 | 8.133.729.901 | 8.133.729.901 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 |
| Cộng | 93.712.938.915 | 93.712.938.915 | 94.667.200.290 | 94.667.200.290 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 9.622.352.953 | 9.622.352.953 | 11.560.934.565 | 11.560.934.565 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 369.217.270 | 369.217.270 | 115.011.375 | 115.011.375 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|---------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Phải trả khác | 971.640.943 | 971.640.943 | 7.818.346.456 | 7.818.346.456 |
| Cộng | 10.963.211.166 | 10.963.211.166 | 19.494.292.396 | 19.494.292.396 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.9.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản tiền gửi đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Quản lý rủi ro về giá

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng uy tín và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| 31/12/2017 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.734.241.990 | - | - | 42.734.241.990 |
| Chứng khoán kinh doanh | 9.529.406.637 | | | 9.529.406.637 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.389.540.099 | - | - | 1.389.540.099 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 29.136.789.681 | - | - | 29.136.789.681 |
| Phải thu khác | 7.655.855.689 | 367.088.000 | - | 8.022.943.689 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | 2.900.016.819 | - | 2.900.016.819 |
| Cộng | 90.445.834.096 | 3.267.104.819 | - | 93.712.938.915 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 9.622.352.953 | - | - | 9.622.352.953 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 369.217.270 | - | - | 369.217.270 |
| Phải trả khác | 786.640.943 | 185.000.000 | - | 971.640.943 |
| Cộng | 10.778.211.166 | 185.000.000 | - | 10.963.211.166 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 79.667.622.930 | 3.082.104.819 | - | 82.749.727.749 |
| 31/12/2016 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 46.523.785.892 | - | - | 46.523.785.892 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.282.694.444 | - | - | 1.282.694.444 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 35.826.973.234 | - | - | 35.826.973.234 |
| Phải thu khác | 7.666.641.901 | 467.088.000 | - | 8.133.729.901 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | 2.900.016.819 | - | 2.900.016.819 |
| Cộng | 91.300.095.471 | 3.367.104.819 | - | 94.667.200.290 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 11.560.934.565 | - | - | 11.560.934.565 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 115.011.375 | - | - | 115.011.375 |
| Phải trả khác | 7.663.346.456 | 155.000.000 | - | 7.818.346.456 |
| Cộng | 19.339.292.396 | 155.000.000 | - | 19.494.292.396 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 71.960.803.075 | 3.212.104.819 | - | 75.172.907.894 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất